TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 04/4/2022
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mười Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thư

2. Bà Trần Thị Phận

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Định - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long *(không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa sơ thẩm).*

Ngày 04 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2022/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 2 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Bích T,** sinh năm 1970 (có mặt); địa chỉ: tổ 13, ấp T Y, xã T T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn U**, sinh năm 1965 (vắng mặt); địa chỉ: tổ 13, ấp T Y, xã T T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2021 của bà Trần Thị Bích T trình bày:* Bà và ông Nguyễn Văn U do quen biết tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào tháng 7 năm 1987 nhưng bà và ông U không có đăng ký kết hôn, nữ trang cưới gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 18k hiện đã bán và tiêu xài không còn. Sau khi cưới, vợ chồng bà về chung sống với gia đình ông U tại ấp T

Y, xã T T, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Đến năm 1989, thì vợ chồng bà cất nhà ra ở riêng, thời gian đầu vợ chồng bà chung sống với nhau rất hạnh phúc được hai năm và sinh được ba con chung tên Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1988, Nguyễn Thị Kim E, sinh năm 1989, Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1992 (các con đã thành niên). Đến thời gian sau, vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã và ông U còn hành hung đánh bà gây thương tích.

Bà T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn U; Về con chung: các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, tài sản chung không tranh chấp không yêu cầu giải quyết.

- Tại phiên tòa, bà Trần Thị Bích T vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn U, con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Nguyễn Văn U đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về việc xét xử vụ án nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt là đảm bảo đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Văn U chung sống như vợ chồng từ tháng 7 năm 1987, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tích số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp thì trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa họ. Do đó, không công nhận bà T và ông U là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông U có ba con chung tên Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1988, Nguyễn Thị Kim E, sinh năm 1989, Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1992 (con con chung đều đã thành niên) nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản: bà Trần Thị Bích T trình bày không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đo đó Hội đồng không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Bích T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 9, điều 14, điều 15 và điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Văn U là vợ chồng.

2. Về con chung: đã thành niên nên không đặt ra xem xét

3. Về tài sản chung: không tranh chấp nên không xem xét

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Bích T phải chịu án phí phần hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; số tiền phải nộp dược khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013452 ngày 16/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân nên được khấu trừ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA): 01;
- VKSND huyện Bình Tân: 01;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01;
- Các đương sự: 02;
- UBND xã T T

(h.Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long): 01;

- Lưu: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Mười Hai